

# Liệu minh bạch và trách nhiệm giải trình có tác động trong cuộc chiến chống tham nhũng ở Việt Nam?

Trần Thị Bích\*

*Nghiên cứu này phân tích tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến tham nhũng tại Việt Nam thông qua phân tích bộ số liệu về quản trị và hành chính công năm 2012. Phương pháp phân tích đa tương ứng tổng quát được áp dụng để đánh giá ý nghĩa của 'Không biết' - một phương án được nhiều người lựa chọn khi trả lời các câu hỏi cảm nhận về tham nhũng. Kết quả cho thấy 'Không biết' hàm ý thái độ đồng tình có tham nhũng. Bài nghiên cứu cũng cho thấy khi mức độ minh bạch cao, cảm nhận của người dân về tham nhũng giảm. Tuy nhiên tác động của trách nhiệm giải trình đến tham nhũng lại không rõ ràng làm dấy lên lo ngại về bản chất thực sự của trách nhiệm giải trình ở Việt Nam.*

**Từ khoá:** Phân tích đa tương ứng, phân tích tương quan đa biến, tham nhũng

## 1. Giới thiệu

Trong xã hội phương Tây, minh bạch, trách nhiệm giải trình và tính trung thực ăn sâu vào bộ máy nhà nước nhằm đảm bảo tính bình đẳng khi tiếp cận với các dịch vụ công có chất lượng cao cho mọi người dân. Ngược lại, ở nhiều nước đang phát triển, người dân vẫn đang tiếp tục phải chịu đựng một nền quản trị vận hành kém hiệu quả và một trong các nguyên nhân của nó là tham nhũng.

Minh bạch có nghĩa là người dân phải được biết chính quyền đang làm gì và việc làm đó có chính đáng, phục vụ lợi ích của nhân dân hay không. Người dân cũng đòi hỏi thông tin đúng đắn và kịp thời để họ có thể tham gia vào quá trình hoạch định và đánh giá các chính sách đang được thực thi. Trong khi đó, trách nhiệm giải trình nhằm đảm bảo để người dân có cơ sở pháp lý và khả năng yêu cầu các cơ quan và cán bộ nhà nước phải có trách nhiệm giải trình về những việc họ đã làm được và chưa làm được. Do vậy, minh bạch và trách nhiệm giải trình có vai trò hết sức quan trọng trong công tác phòng chống tham nhũng. Các bằng chứng lý thuyết và thực nghiệm đều nhất trí rằng sự thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình là nguyên nhân của tham nhũng (Larmour và Barcham, 2005; Dossing và cộng sự, 2011).

Tại Việt Nam, nhiều chương trình chống tham nhũng đã được thực hiện. Đặc biệt là Cải cách Hành chính (CCHC) giai đoạn 2 được thực hiện từ năm 2001 đến năm 2010. Dự án CCHC giai đoạn 2 nhấn mạnh vào các mục tiêu tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, cương quyết thực hiện chống tham nhũng, và thực hiện các dịch vụ hành chính có chất lượng cao. Tuy nhiên, kết quả của dự án đạt dưới mức hài lòng (ADB, 2011).

Cùng với CCHC giai đoạn 2 là một hệ thống văn bản pháp luật bao gồm 23 sắc lệnh và quyết định của chính phủ và thủ tướng chính phủ, 23.381 văn bản từ các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp, và 24.024 văn bản hướng dẫn thực hiện các biện pháp chống tham nhũng (Trần Đăng Vinh, 2012). Các văn bản này thường nhấn mạnh vai trò của minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng như kêu gọi tính trung thực trong phòng chống tham nhũng (PCTN). Bên cạnh đó, ấn phẩm đầu tiên viết về cuộc điều tra về tham nhũng của Nguyễn Đình Cử và cộng sự (2005) như một chất xúc tác cho các nghiên cứu trong lĩnh vực này.

Kể từ đó, các cuộc điều tra và nghiên cứu về tham nhũng tại Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Nghiên cứu về tham nhũng tại Việt Nam tập trung vào vấn đề mô tả cách thức tham nhũng dựa vào cảm nhận và kinh nghiệm của người dân về tham nhũng

(Razafindrakoto và cộng sự, 2011; World Bank, 2012; Chow, 2013). Các nghiên cứu cũng đánh giá hiệu quả của chương trình chống tham nhũng tại Việt Nam (CECODES, 2008; Gainsborough và cộng sự, 2009; Norad, 2011; Painter và cộng sự, 2012; và Trần Đăng Vinh, 2012).

Như vậy, có thể thấy các nghiên cứu về tham nhũng tại Việt Nam khá nhiều. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào lượng hoá tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến cuộc chiến chống tham nhũng tại Việt Nam. Bài nghiên cứu sẽ đóng góp vào tổng quan tư liệu thông qua việc áp dụng các phương pháp phân tích đa tương ứng (MCA) để phân tích bộ dữ liệu về quản trị và hành chính công (PAPI) tại Việt Nam năm 2012 nhằm cung cấp những bằng chứng khoa học về vai trò của minh bạch và trách nhiệm giải trình trong cuộc chiến chống tham nhũng tại Việt Nam.

Bài nghiên cứu có kết cấu như sau. Tiếp theo phần giới thiệu là mục 2 đề cập phương pháp nghiên cứu. Mục 3 trình bày về dữ liệu và các biến sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả phân tích thực nghiệm được trình bày ở mục 4 và mục 5 nêu kết luận.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu này sử dụng các phương pháp phân tích đa tương ứng để phân tích bộ dữ liệu PAPI năm 2012. Cơ sở của phương pháp luận được trình bày dưới đây.

### 2.1. Phân tích đa tương ứng

MCA có thể được mô tả một cách ngắn gọn theo ngôn ngữ hình học như sau. Chúng ta có dữ liệu thu thập cho  $J$  biến định tính từ  $n$  quan sát, trong đó  $j \in J = \{1, 2, \dots, J\}$  có thể nhận bất kỳ giá trị định danh  $l_j$  (phương án trả lời) nào. Nếu chúng ta muốn vẽ đồ thị cho tập dữ liệu này, chúng ta phải nén dữ liệu trong không gian ít chiều hơn, ví dụ không gian Euclidean với  $p$  chiều ( $\cdot$ ). Trong không gian mới ít chiều hơn này, các quan sát và các PATL nằm ở các vị trí sao cho các thông tin từ dữ liệu gốc có thể được lưu giữ nhiều nhất có thể. Để làm được việc đó, MCA định lượng các PATL, có nghĩa là lượng hoá được các PATL để tính hệ số tương quan giữa các biến. Việc lượng hoá các PATL được xác định bằng hàm tối thiểu (loss function) và được xác định như dưới đây.

Trong không gian Euclide,  $X$  là ma trận  $n \times p$  của các điểm quan sát và  $Y_j$  là ma trận  $l_j \times p$  định lượng các PATL  $l_j$  của biến  $j$ . Trong không gian mới này,

các đường thẳng nối các quan sát và các PATL sẽ cho chúng ta biết PATL nào thuộc về quan sát nào. Với mỗi biến  $j$ , dữ liệu được nhập dưới dạng ma trận thông số (indicator matrix)  $G_j$ . Ma trận này giống như một bảng tiếp liên với các dòng là các quan sát ( $n$ ) và các cột là các PATL ( $l_j$ ). Các ô của ma trận sẽ nhận giá trị bằng 1 nếu quan sát có PATL  $l_j$  hoặc bằng 0 nếu quan sát không có PATL đó. Bình phương trung bình độ dài của các đoạn thẳng (nối cho tất cả các biến) được xác định bằng phương trình sau đây:

$$\sigma(X; Y_1, \dots, Y_J) = J^{-1} \sum_{j=1}^J SSQ(X - G_j Y_j) \quad (1)$$

Để các đoạn thẳng ngắn, (1) cần đạt giá trị cực tiểu và bài toán cực trị này cần thỏa mãn hai điều kiện xác định dưới đây:

$$X'X = nl_p \quad (i)$$

$$u'X = 0 \quad (ii)$$

trong đó  $u$  là véc tơ cột có  $n$  thành phần nhận giá trị bằng 1. Điều kiện xác định thứ hai này đảm bảo  $X$  phân tán xung quanh trung bình của các véc tơ cột trong khi điều kiện xác định thứ nhất chuẩn hoá chiều dài bình phương của các điểm quan sát và yêu cầu các véc tơ cột của  $X$  phải vuông góc và không có mối liên hệ tương quan với nhau.

Một thuật toán bình phương nhỏ nhất (ALS) được viết để giải bài toán cực trị (1) và cho kết quả như ở phương trình (2) và (3):

$$\hat{Y}_j = D_j^{-1} G_j' X \quad (2)$$

$$\hat{X} = J^{-1} \sum_{j=1}^J G_j Y_j \quad (3)$$

trong đó  $D_j = G_j' G_j$  là ma trận đường chéo  $l_j \times l_j$  với các đường chéo là các tần suất của các PATL của biến thứ  $j$ . Phương trình 2 được gọi là phương trình định lượng các biến (hay thành phần chính hay biến ẩn) trong đó các PATL được định lượng sao cho các PATL này sẽ nằm ở tâm của các quan sát có các PATL đó. Phương trình 3 được đặt tên là định lượng các quan sát sao cho một quan sát là giá trị trung bình của các định lượng của các PATL mà quan sát đó có (Michailidis và de Leeuw, 1998). Do vậy, kết quả sẽ cho chúng ta một đồ thị với các quan sát nằm gần các PATL mà các quan sát đó có và các PATL nằm gần các quan sát nhận các PATL đó.

Khi phương pháp này được áp dụng cho một tập

biến, chúng ta có phương pháp phân tích đa tương ứng thông thường. Khi được áp dụng để phân tích hai tập biến, phương pháp này được biết đến như là phương pháp phân tích tương quan đa biến (canonical correlation analysis- CCA). Nếu phương pháp này được áp dụng để phân tích  $k$  tập biến, chúng ta có phương pháp phân tích tương quan đa biến tổng quát (GCA).

## 2.2. Phân tích tương quan đa biến

CCA được sử dụng để phân tích mối liên hệ giữa hai tập biến. CCA có thể hiểu một cách đơn giản nhất là phương pháp phân tích hồi quy bội mở rộng trong đó biến phụ thuộc là một tập biến  $Y (Y_1, Y_2, \dots, Y_q)$ . Tập biến này được dự đoán bởi một tập biến độc lập  $X (X_1, X_2, \dots, X_p)$ . Phương pháp CCA tạo ra các biến tương quan  $U$ 's và  $V$ 's mô tả mối liên hệ giữa tập biến  $X$  với tập biến  $Y$ .

Ý tưởng của CCA là tạo ra các biến ẩn  $U$ 's mô tả mối liên hệ tuyến tính giữa các biến  $Y$ 's và biến ẩn  $V$ 's giải thích mối liên hệ tuyến tính giữa các biến  $X$ 's. Sau đó phương pháp này tiếp tục phân tích mối liên hệ tương quan của từng cặp  $U$ 's và  $V$ 's. Cặp biến tương quan đầu tiên giữa  $U$ 's và  $V$ 's được gọi là cặp biến tương quan thứ nhất và cứ thế đặt tên cho các cặp biến tương quan thứ hai, ba, ... Phương trình (4) và (5) mô tả cặp biến tương quan thứ nhất của  $X$ 's và  $Y$ 's.

$$U_1 = a_1Y_1 + a_2Y_2 + \dots + a_qY_q \quad (4)$$

$$V_1 = b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_pX_p \quad (5)$$

trong đó  $U_1$  là tổ hợp tuyến tính của các biến  $Y$ 's và được gọi là biến tương quan thứ nhất của  $Y$ 's;  $V_1$  là tổ hợp tuyến tính của các biến  $X$ 's và được gọi là biến tương quan thứ nhất của  $X$ 's. Các hệ số  $a$ 's và  $b$ 's được xác định để tối đa hoá mối liên hệ tương quan giữa  $U_1$  và  $V_1$  với điều kiện ràng buộc là  $U_1$  và  $V_1$  có phân phối chuẩn hoá. Việc giải thích ý nghĩa của các hệ số  $a$ 's và  $b$ 's tương tự như trong phân tích hồi quy thông thường. Khi đã rút ra  $U_1$  và  $V_1$ , hệ số tương quan giữa hai biến này mới được tính và được đặt tên là hệ số tương quan thứ nhất.

Sau khi giải được cặp biến và hệ số tương quan thứ nhất, CCA tính hệ số cho cặp biến tương quan thứ hai của  $X$ 's và  $Y$ 's trên cơ sở thoả mãn các điều kiện sau đây:

(i)  $U_2$  không được phép liên hệ tương quan với  $U_1$  và  $V_1$ ;

(ii)  $V_2$  không được phép liên hệ tương quan với  $U_1$  và  $V_1$ ;

(iii) Tối đa hoá mối liên hệ tương quan giữa  $U_2$  và  $V_2$ .

Quá trình cứ thế tiếp tục cho đến khi tính được tất cả các biến tương quan. Số lượng các cặp biến tương quan bằng số lượng các biến trong tập có ít biến hơn giữa hai tập biến.

## 2.3. Phân tích tương quan đa biến tổng quát

Khi MCA được áp dụng để phân tích mối liên hệ tương quan giữa nhiều tập biến, phương pháp được gọi là phân tích tương quan đa biến tổng quát (Generalised Canonical Analysis). Một đặc điểm nổi bật của GCA so với phương pháp MCA thông thường là sự đóng góp của mỗi một biến vào kết quả hoàn toàn độc lập với các biến khác trong cùng tập biến. Hơn nữa, có thể đặt thêm các điều kiện ràng buộc về định lượng các PATL (Matschinger và Angermeyer, 2006).

Trong nghiên cứu này, GCA và MCA được sử dụng để đánh giá ý nghĩa của phương án trả lời 'Không biết' cho các câu hỏi cảm nhận về tham nhũng trong khi CCA được áp dụng để phân tích tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến tham nhũng. Kết quả phân tích thực nghiệm được trình bày ở mục 4.

## 3. Dữ liệu và biến

Để phân tích mối liên hệ giữa minh bạch và trách nhiệm giải trình với tham nhũng tại Việt Nam, bài nghiên cứu sử dụng bộ số liệu điều tra mẫu ở cấp quốc gia PAPI 2012 (PAPI Vietnam, 2014). PAPI thu thập các thông tin để đo lường hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp từ quan điểm của người sử dụng dịch vụ. Dữ liệu thu thập cho sáu trục thành phần bao gồm (i) sự tham gia của người dân; (ii) minh bạch; (iii) trách nhiệm giải trình; (iv) kiểm soát tham nhũng; (v) thủ tục hành chính công; và (vi) chất lượng dịch vụ công (UNDP, CECODES, và Mặt Trận Tổ Quốc, 2010). Do các dịch vụ hành chính công mà cuộc điều tra lựa chọn để tiến hành thu thập thông tin bao gồm dịch vụ cấp giấy phép xây dựng và dịch vụ cấp sổ đỏ nhạy cảm ở các thành phố hơn là khu vực nông thôn nên nghiên cứu chỉ lựa chọn 5 thành phố bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ để tiến hành phân tích. Bảng 1 trình bày cơ cấu mẫu được phân bổ tại các địa phương nghiên cứu.

PAPI sử dụng một bảng hỏi cho cả khu vực thành thị và nông thôn. Một số câu hỏi phù hợp với việc nghiên cứu về quản trị ở khu vực thành thị hơn

**Bảng 1: Phân bố mẫu nghiên cứu**

	Số người trả lời	%
Hà Nội	574	34.19
Hải Phòng	184	10.96
Đà Nẵng	192	11.44
TP. Hồ Chí Minh	536	31.92
Cần Thơ	193	11.49
<b>Tổng</b>	<b>1,679</b>	<b>100.00</b>

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012.*

trong khi một số câu hỏi khác lại phù hợp với việc nghiên cứu ở khu vực nông thôn. Do bài nghiên cứu này chỉ nghiên cứu quản trị tại khu vực đô thị nên chỉ những câu hỏi phù hợp với nghiên cứu ở khu vực thành thị được lựa chọn. Danh sách các biến sử dụng trong nghiên cứu được trình bày ở bảng 2.

#### 4. Kết quả phân tích thực nghiệm

##### 4.1 Đánh giá ý nghĩa của ‘Không biết’

mẫu sẽ giảm hơn một nửa và có thể xảy ra vấn đề mẫu không đại diện. Hơn nữa, PATL ‘KB’ có thể hàm một ý nào đó của người trả lời (Gilljam và Granberg, 1993).

Để giữ nguyên quy mô mẫu, phương pháp đánh giá ý nghĩa PATL ‘KB’ của Matschinger và Angermeyer (2006) được áp dụng. Matschinger và Angermeyer sử dụng GCA và đặt thêm các điều kiện trong việc lượng hóa các PATL.

**Bảng 2: Danh sách các biến sử dụng trong nghiên cứu**

	Mã câu hỏi trong bảng hỏi của PAPI	Số người trả lời
<b>1. Minh bạch</b>		1,643
- Công khai ngân sách xã/phường	D203	
- Người trả lời biết thông tin về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất của xã/phường	D204	
<b>2. Trách nhiệm giải trình</b>		1,640
- Góp ý xây dựng với chính quyền	D302a1	
- Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân	D303	
<b>3. Tham nhũng</b>		1,654
- Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	D402a	
- Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	D402b	
- Người dân chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	D402e	
- Để xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền	D402f	

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012.*

Một phân tích sơ bộ dữ liệu thô cho thấy phần lớn người trả lời lựa chọn phương án ‘Không Biết’ (KB) khi trả lời các câu hỏi cảm nhận về tham nhũng. Bảng 3 mô tả phân phối của các PATL cho các câu hỏi cảm nhận về tham nhũng.

Theo bảng 3, số lượng PATL ‘KB’ chiếm một phần lớn trong các câu trả lời, dao động từ 494 (29.87%) cho câu hỏi D402f đến 614 (37.12%) cho câu hỏi D402a. Do vậy, nếu bỏ PATL ‘KB’ quy mô

Lợi dụng đặc tính của GCA là đóng góp của từng biến đến kết quả không phụ thuộc vào các biến khác trong tập biến, chúng tôi tạo ra một biến tính tổng số PATL ‘KB’ cho mỗi cá nhân. Sau đó, biến này được nhân rộng ra bằng số lượng các biến tham nhũng sử dụng trong phân tích. Phân tích bây giờ tương đương với việc sử dụng phương pháp phân tích tương quan đa biến CCA để phân tích 4 tập biến. Mỗi tập bao gồm một biến về tham nhũng và một



**Bảng 3: Phân phối của các PATL các câu hỏi cảm nhận về tham nhũng**

	Đúng	Đúng phần nào	Không đúng	KB	Tổng
Mã PATL:	2	1	0	888	
<b>D402a</b> Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	815 (49.27)	127 (7.68)	98 (5.93)	614 (37.12)	1,654 (100)
<b>D402b</b> Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	759 (45.89)	175 (10.58)	199 (12.03)	521 (31.5)	1,654 (100)
<b>D402e</b> Người dân chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	679 (41.05)	182 (11.00)	233 (14.09)	560 (33.86)	1,654 (100)
<b>D402f</b> Đề xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền	505 (30.53)	170 (10.28)	485 (29.32)	494 (29.87)	1,654 (100)

Ghi chú: Số trong ngoặc đơn là %

biến tổng PATL ‘KB’. Biến ‘tổng’ này có 5 giá trị dao động từ 0 nếu người trả lời không lựa chọn một PATL ‘KB’ nào đến 4 nếu người trả lời lựa chọn ‘KB’ cho tất cả các câu hỏi về tham nhũng. Mục tiêu của phương pháp này là tạo ra trục thành phần đầu tiên mà chỉ có các biến ‘tổng’ được chiếu xuống đó. Bốn biến tham nhũng còn lại sẽ được định lượng bằng 0 trên trục thành phần đầu tiên trong khi biến ‘tổng’ có định lượng bằng 0 trên tất cả các trục khác ngoại trừ trục thành phần đầu tiên này. Nếu mỗi tập biến chỉ có một biến, phân tích lại quay trở lại phương pháp phân tích đa tương ứng thông thường.

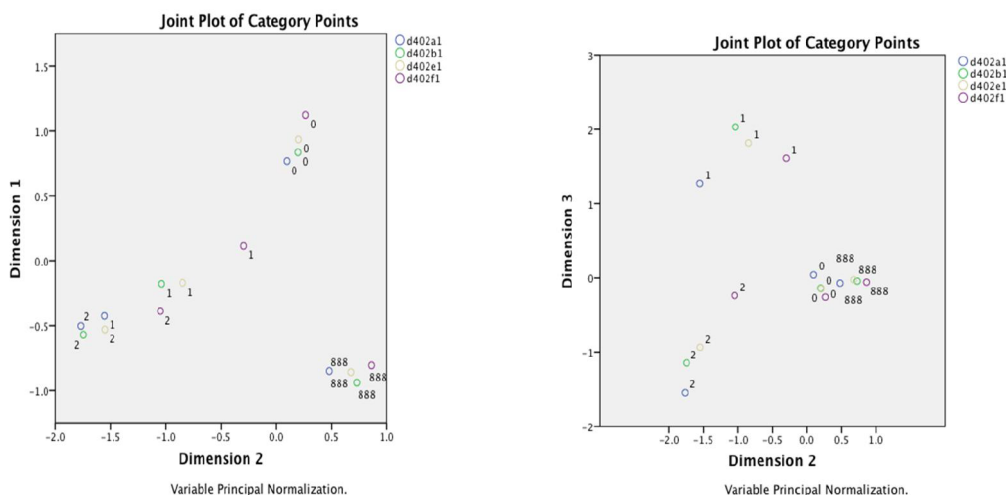
Để giải thích ý nghĩa của ‘KB’, chúng tôi trình bày ở đây kết quả của cả phương pháp MCA thông thường và phương pháp GCA. Hình 1 mô tả kết quả không gian 3 chiều từ MCA thông thường và đây là kết quả khi chưa tách biệt tổng các PATL ‘KB’. Như quan sát được từ hình 1, trục đầu tiên (Dimension 1)

phân biệt rõ PATL ‘KB’ với các PATL còn lại. Tuy nhiên, các PATL khác có mã từ 0 đến 2 lại không nằm trên một đường thẳng vuông góc với trục thứ nhất này. Quan sát tiếp trục 2 (Dimension 2) và 3 (Dimension 3), ‘KB’ nằm giữa đồ thị và không tách biệt rõ ràng với các PATL khác. Điều này có nghĩa là việc định lượng vẫn còn phụ thuộc vào PATL ‘KB’.

Khi kiểm soát tổng các PATL ‘KB’, chúng ta có kết quả từ phương pháp GCA. Vì việc định lượng 4 biến ‘tổng’ là như nhau, chúng tôi chỉ trình bày ở đây kết quả định lượng của một biến ‘tổng’ với biến tham nhũng d402a1 như ở hình 2.

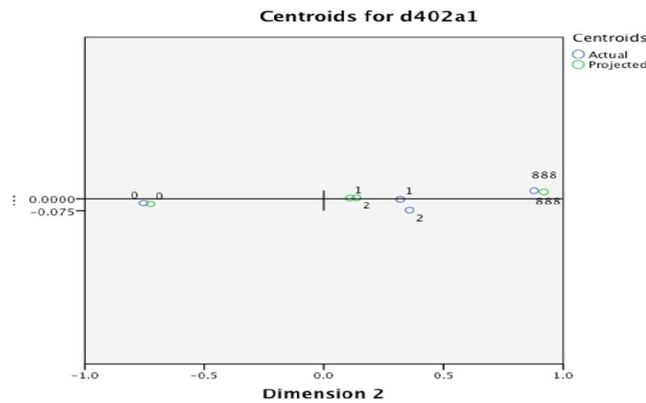
Như dự tính, biến ‘tổng’ có giá trị định lượng bằng 0 xuống trục thành phần thứ nhất. Điều này cho phép chúng ta nhìn thấy vị trí của các PATL khác trên trục thứ hai một cách rõ ràng hơn. Như

**Hình 1: Kết quả từ MCA thông thường**



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012

**Hình 2: Định lượng biến tham nhũng d402a1 trên trục thứ nhất và thứ hai**



*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012*

quan sát ở hình 2, các PATL khác được chiếu xuống đường thẳng xuyên qua gốc toạ độ và ‘KB’ nằm ở bên phải cùng với các PATL phản ánh thái độ đồng tình có tham nhũng của người trả lời. PATL ‘0’ phản ánh thái độ không đồng tình có tham nhũng của người trả lời được tách biệt hẳn ra và nằm ở bên trái của đồ thị.

Để đánh giá sâu hơn ý nghĩa của ‘KB’ cho mỗi câu hỏi, chúng tôi trình bày tâm của định lượng mỗi PATL ở bảng 4. Bởi vì trục thành phần thứ hai là quan trọng nhất trong GCA (Matschinger và Angermeyer, 2006), chỉ có tâm của định lượng PATL của trục này được trình bày ở bảng 4.

Dựa vào tâm của các PATL ở bảng 4, chúng ta thấy tâm của ‘KB’ nằm ở bên phải của PATL 2 ‘Đúng’ cho tất cả các câu hỏi (tâm của ‘KB’ có giá trị cao nhất). Do vậy, ‘KB’ phản ánh thái độ đồng tình có tham nhũng của người trả lời. Trên cơ sở kết quả phân tích, chúng tôi giữ nguyên mã hoá 0 phản ánh thái độ không đồng tình có tham nhũng và mã hoá lại tất cả các PATL còn lại (bao gồm cả PATL ‘KB’) là 1. Việc mã hoá này sẽ được sử dụng cho các phân tích đa tương ứng tiếp theo.

**4.2. Mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng**

CCA được áp dụng để đánh giá tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến cảm nhận của người trả lời về tham nhũng. Như đã đề cập ở phần trước, do cặp biến tương quan đầu tiên là chiều quan trọng nhất, chúng tôi chỉ trình bày cặp biến tương quan đầu tiên giữa minh bạch và tham nhũng ở phương trình (7) và mối liên hệ giữa trách nhiệm giải trình và tham nhũng ở phương trình (8).

Ở phương trình (7) và (8),  $D402a-f$  là những biến

$$\begin{aligned} U_1 &= a_1D402a + a_2D402b + a_3D402e + a_1D402f \\ V_1 &= b_1D203 + b_2D204 \end{aligned} \quad (7)$$

$$\begin{aligned} U_1 &= a_1D402a + a_2D402b + a_3D402e + a_1D402f \\ V_1 &= b_1D302a_1 + b_2D303 \end{aligned} \quad (8)$$

cảm nhận về tham nhũng. Giá trị ban đầu của các biến này cho thấy các biến có giá trị càng cao thì cảm nhận về tham nhũng càng nhiều.  $D203$  và  $D204$  phản ánh minh bạch với giá trị cao cho thấy mức độ minh bạch cao.  $D302a_1$  và  $D303$  là các biến phản ánh trách nhiệm giải trình với giá trị càng lớn phản ánh trách nhiệm giải trình càng cao.

Kết quả của các phần mềm thống kê chạy cho CCA thường dài và phức tạp. Ở đây chúng tôi chỉ

**Bảng 4: Định lượng các PATL trên trục thành phần thứ hai**

	Đúng	Đúng phần nào	Ko đúng	KB
	2	1	0	888
<b>D402a</b>	0.357	0.319	-0.754	0.878
<b>D402b</b>	0.491	0.154	-0.828	0.966
<b>D402e</b>	0.504	0.240	-0.943	0.856
<b>D402f</b>	0.388	0.016	-1.137	0.775

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012.*

**Bảng 5: Cặp biến tương quan đầu tiên giữa minh bạch và tham nhũng**

	$U_I$				$V_I$		
	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Hệ số hồi quy chuẩn hoá		Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Hệ số hồi quy chuẩn hoá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	1.63***	0.26	0.81	Công khai ngân sách xã/phường	-1.82***	0.23	-0.89
Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0.55**	0.28	0.27	Người trả lời biết thông tin về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất của xã/phường	-0.41***	0.15	-0.30
Người dân chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	0.38	0.28	0.19				
Đề xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền	-0.40	0.29	-0.18				
Tổng số quan sát:							1,633
<b>Hệ số tương quan giữa <math>U_I</math> và <math>V_I</math></b>							<b>0.23</b>

Ghi chú: \*\*\*, \*\* đạt mức ý nghĩa lần lượt là 1% và 5%

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012

lấy những thông tin hữu ích nhất từ kết quả và trình bày cặp biến tương quan đầu tiên giữa minh bạch và tham nhũng ở bảng 5 trong khi bảng 6 mô tả kết quả của cặp biến tương quan đầu tiên giữa trách nhiệm giải trình và tham nhũng.

Việc giải thích ý nghĩa của các hệ số trong CCA cũng tương tự như trường hợp của hồi quy bội. Như chúng ta quan sát được từ bảng 5, đối với biến tương quan đầu tiên về cảm nhận về tham nhũng  $U_I$ , chỉ có D402a ‘Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng’ và D402b ‘Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất’ là có ý nghĩa thống kê. Hệ số chuẩn hoá (cột 4) cho thấy biến  $U_I$  được xác định chủ yếu từ hai biến trên. Dấu của các biến này cho thấy nếu người trả lời cảm nhận mức độ tham nhũng của câu D402a và D402b cao sẽ có giá trị cao trên biến tương quan  $U_I$ . Đối với biến tương quan  $V_I$ , cả hai biến D203 ‘Công khai ngân sách xã/phường’ và D204 ‘Người trả lời biết thông tin về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất của xã/phường’ đều có ý nghĩa thống kê. Dấu của các hệ số của D203 và D204 cho thấy nếu người trả lời đánh giá mức độ minh bạch ở xã/phường của họ thấp thì sẽ có giá trị cao trên biến tương quan  $V_I$ . Một cách tổng quát, kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ minh bạch thấp dẫn đến tham nhũng cao và

hệ số tương quan phản ánh mối liên hệ là 0.23.

Kết quả từ bảng 6 cho thấy biến tương quan đầu tiên về tham nhũng  $U_I$  được xác định chủ yếu bởi D402a ‘Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng’ và D402f ‘Đề xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền’. Tuy nhiên dấu của hai biến này là trái chiều nhau. Trong khi người trả lời cảm nhận tham nhũng cao ở câu D402a có giá trị cao trên biến  $U_I$ , những người cảm nhận tham nhũng thấp ở câu D402f lại có giá trị cao trên  $U_I$ . Đối với biến tương quan đầu tiên về trách nhiệm giải trình  $V_I$ , cả hai biến D302a1 ‘Góp ý xây dựng với chính quyền’ và D303 ‘Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân’ đều có ý nghĩa thống kê. Dấu của các biến này cho thấy nếu người trả lời đánh giá trách nhiệm giải trình tại địa phương họ là cao, họ sẽ có giá trị thấp trên biến tương quan  $V_I$ . Do vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy những địa phương được đánh giá trách nhiệm giải trình cao thì được đánh giá mức độ tham nhũng thấp trong việc sử dụng tiền công quỹ vào mục đích riêng nhưng vẫn bị đánh giá mức độ tham nhũng cao trong vấn đề xin việc vào cơ quan nhà nước. Kết quả này, ở một mức độ nào đó, phản ánh tính chất phức tạp trong vấn đề tham nhũng về xin việc/chạy việc vào cơ quan nhà nước ở Việt Nam và tính không hiệu

**Bảng 6: Cặp biến tương quan đầu tiên giữa trách nhiệm giải trình và tham nhũng**

	$U_1$				$V_1$		
	Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Hệ số hồi quy chuẩn hoá		Hệ số hồi quy	Độ lệch chuẩn	Hệ số hồi quy chuẩn hoá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	1.78***	0.31	0.89	Góp ý xây dựng với chính quyền	-0.83***	0.31	0.36
Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0.47	0.33	0.24	Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân	-1.73***	0.28	0.84
Người dân chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	0.50	0.34	0.25				
Đề xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền	-1.03***	0.35	-0.47				
Number of observations:							1,633
<b>Hệ số tương quan giữa <math>U_1</math> và <math>V_1</math></b>							0.19

Ghi chú: \*\*\* đạt mức ý nghĩa lần lượt 1%.

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012

quả của Ban Thanh tra nhân dân trong việc kiểm soát vấn đề này.

### 5. Kết luận

Minh bạch và trách nhiệm giải trình ngày càng trở thành một công cụ quản lý phổ biến trong cuộc chiến chống tham nhũng. Tuy nhiên, việc chúng đóng góp như thế nào vào cuộc chiến chống tham nhũng vẫn chưa được hiểu một cách cặn kẽ. Bài nghiên cứu này góp thêm những bằng chứng thực nghiệm thông qua việc phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng tại Việt Nam.

Sử dụng các phương pháp phân tích đa tương ứng, bài nghiên cứu phân tích bộ số liệu PAPI 2012. Đầu tiên, bài nghiên cứu đánh giá ý nghĩa của PATL 'KB' là một phương án thường được người trả lời lựa chọn khi được hỏi về cảm nhận về tham nhũng. Kết quả cho thấy 'KB' hàm ý thái độ đồng tình có tham nhũng. Sau khi mã hoá lại 'KB', bài nghiên cứu tiếp tục đánh giá tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến tham nhũng tại năm thành

phố lớn tại Việt Nam bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình cao thường đi cùng với cảm nhận về tham nhũng thấp. Tuy nhiên, tác động chi tiết của mỗi thành phần của trách nhiệm giải trình đến tham nhũng được phương pháp phân tích tương quan đa biến mô tả là trái chiều nhau. Cụ thể, ở những địa phương được người dân đánh giá trách nhiệm giải trình cao, mức độ tham nhũng công quỹ được đánh giá thấp nhưng tham nhũng trong vấn đề chạy việc vào các cơ quan nhà nước vẫn được đánh giá cao. Kết quả này một phần nào đó phản ánh tính chất phức tạp trong vấn đề tham nhũng 'chạy việc' ở Việt Nam. Những phát hiện của bài nghiên cứu cho thấy nhu cầu cần thiết phải xem lại cách thức mà trách nhiệm giải trình đang được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng và chống tham nhũng tại Việt Nam. □



## Tài liệu tham khảo

- ADB (2011), *Viet Nam: Support the Implementation of the Public Administration Reform Master Program, Phase I*, Báo cáo của ADB, PCV: VIE 2011-64, Hanoi, Vietnam.
- CECODES (2008), *Anti-corruption in Vietnam: the situation after two years of implementation of the law*, Hanoi, Vietnam
- Chow, S. (2013), *Phong biểu vũ tham nhũng toàn cầu 2013: quan điểm và trải nghiệm của người dân Việt Nam*, Hướng tới minh bạch Việt Nam.
- Dossing, H., Mokeki, L., và Weidemen, M. (2011), *Mapping transparency, accountability, and integrity in primary education in South Africa*, Transparency International report.
- Gainsborough, M., Đặng Ngọc Dinh, và Trần Thanh Phương (2009), *Tham nhũng, Hành chính nhà nước và Phát triển: Thách thức và Cơ hội*, UNDP, Hanoi, Vietnam.
- Gilljam, M., và Granberg, D. (1993), 'Should We Take Don't Know for An Answer?' *Public Opinion Quarterly*, Số 57, tr. 348-392.
- Larmour, P., và Barcham, M. (2005), *National integrity systems in small Pacific island states*, ANU discussion paper, Canberra, Australia.
- Matschinger, H. và Angermeyer, M.C. (2006), 'The evaluation of 'Don't Know' responses by generalised canonical analysis', trong *Multiple Correspondence Analysis and Related Methods*, Greenacre, M.J and Blasius, J. (Chủ biên). New York: Chapman & Hall/CRC, tr. 283-298.
- Michailidis, G. & de Leeuw, J. (1998), 'The Gifi system of descriptive multivariate analysis' *Statistical Science*, Số 13, Tập 4, tr. 307-336.
- Nguyễn Đình Cừ, Hoàng Văn Cường, Phạm Đại Đồng, Nguyễn Thị Thiêng, và Lưu Bích Ngọc (2005), *Kết quả điều tra nghiên cứu về tham nhũng ở Việt Nam*, Báo cáo cho Ban quản lý nghiên cứu phòng chống tham nhũng của Ban Nội chính Trung ương, Hà Nội, Việt Nam.
- NORAD (2011), *Joint Evaluation of Support to Anti-Corruption Efforts*, Viet Nam Country Report
- Razafindrakoto M., Roubaud F., và Salomon M. (2011), *Phong biểu vũ tham nhũng toàn cầu 2012: quan điểm và trải nghiệm của người dân Việt Nam*, Hướng tới minh bạch Việt Nam.
- PAPI Vietnam (2014), PAPI – documents and data, (<http://www.papi.vn/documents-and-data-download>)
- Trần Đăng Vinh (2012), *Hoàn thiện luật phòng và chống tham nhũng tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội.
- UNDP, CECODES, và Mặt Trận Tổ Quốc (2010), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam*, Hanoi, Vietnam.
- World Bank (2012), *Tham nhũng từ góc nhìn của người dân, doanh nghiệp và viên chức nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội.

## The impact of transparency and accountability on corruption in Vietnam

### Abstract:

*This paper investigates the impact of transparency and accountability on corruption in Vietnam using PAPI data in 2012. The generalised canonical analysis is applied to evaluate the meaning of 'Don't Know' answer which often exists on questions on perception of corruption. The results reveal that 'Don't Know' implies corruption. The paper, then, shows that high level of transparency is accompanied with low level of perception on corruption while impacts of accountability on corruption are mixed, raising concerns about the de-facto form of accountability in Vietnam.*

---

### Thông tin tác giả:

\***Trần Thị Bích**, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Thống kê, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ email: [bichtt@neu.edu.vn](mailto:bichtt@neu.edu.vn); [tranhibich@yahoo.com](mailto:tranhibich@yahoo.com)